

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DỊCH THUẬT SFT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DỊCH THUẬT SFT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SFT TRANSLATION SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SFTRANS CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110803592

**3. Ngày thành lập:** 05/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 4 ngõ 900, đường Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0795196818

Fax:

Email: [dichthuatsft@gmail.com](mailto:dichthuatsft@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động dịch thuật, phiên dịch | 7490(Chính) |
| 2.  | In ấn                                                                                                                 | 1811        |
| 3.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                       | 1812        |
| 4.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                            | 2610        |
| 5.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                             | 2620        |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                    | 2640        |
| 7.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                     | 2740        |
| 8.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                             | 2750        |
| 9.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                         | 2817        |
| 10. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                            | 3312        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                | 3313        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                | 3314        |
| 13. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                   | 4511        |
| 14. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                           | 4512        |
| 15. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                     | 4513        |
| 16. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                        | 4520        |

|     |                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                       | 4530 |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(không gồm được phẩm)                                                                                                              | 4649 |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                         | 4651 |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                          | 4652 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                          | 4659 |
| 22. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                   | 4741 |
| 23. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                 | 4761 |
| 24. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                               | 4762 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                      | 4931 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                           | 4933 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay<br>(Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không) | 5229 |
| 28. | Lập trình máy vi tính<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                         | 6201 |
| 29. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                      | 6202 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                          | 6209 |
| 31. | Quảng cáo<br>(Doanh nghiệp không được thực hiện quảng cáo thuốc lá và rượu; không được thực hiện hoạt động in ấn và phát hành các ấn phẩm)                               | 7310 |
| 32. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                           | 7911 |
| 33. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                    | 7912 |
| 34. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                  | 8110 |
| 35. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                    | 8211 |
| 36. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                 | 8219 |
| 37. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                      | 7990 |
| 38. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                | 8230 |
| 39. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                       | 4632 |
| 40. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                     | 4641 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 42. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722 |
| 43. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721 |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 45. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 46. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 47. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510 |
| 48. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                     | 7110 |
| 49. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>(Không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế phương tiện vận tải)                                                                   | 7410 |
| 50. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                   | 7810 |
| 51. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm dạy về tôn giáo, các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)                                                      | 8559 |
| 52. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                 | 8560 |
| 53. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100 |
| 54. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 55. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị nội thất                                                                                                   | 4330 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN SƠN | Việt Nam  | Số 4 ngõ 900 đường Bạch Đằng, tổ dân phố 33B, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 250.000.000           | 50,000    | 001085005375                                                                                            |         |

|   |                             |             |                                                                                                                        |             |        |              |  |
|---|-----------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>THỊ THANH<br>THỦY | Việt<br>Nam | Số 4 ngõ 900 đường<br>Bạch Đằng, tổ 33B,<br>Phường Thanh<br>Lương, Quận Hai Bà<br>Trung, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | 250.000.000 | 50,000 | 001192032896 |  |
|---|-----------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|--------------|--|

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: NGUYỄN THI THANH THỦY

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 29/04/1992

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001192032896

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Số 4 ngõ 900 đường Bạch Đằng, tổ 33B, Phường Thanh Lương,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 4 ngõ 900 đường Bạch Đằng, tổ 33B, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội